



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn

15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014

đến ngày 31 tháng 3 năm 2015



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận  
đăng ký kinh doanh**

Số 0101178800

ngày 22 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 22 tháng 1 năm 2015.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Văn Hường  
Bà Nguyễn Phương Hạnh  
Ông Phạm Văn Thanh  
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh  
Bà Hồ Bích Ngọc  
Ông Hosono Kyohei  
Ông Tashiro Masaaki  
Ông Mark Gerald Gillin

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (*đến ngày 19 tháng 9 năm 2014*)

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Hường  
Bà Nguyễn Phương Hạnh  
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh  
Ông Phạm Văn Thanh

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Biệt thự số 18, BT5, Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp  
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Giám đốc

  
Lê Văn Hương  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2015



**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,  
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600  
Fax +84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 5 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 44.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-104-d



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2015

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2013-007-1

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2015**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.023.996.617.274</b>	<b>1.157.871.878.384</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>496.407.373.233</b>	<b>56.582.159.848</b>
Tiền	111		496.407.373.233	56.582.159.848
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>13</b>	<b>285.600.000.000</b>	<b>-</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		285.600.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>883.705.317.423</b>	<b>621.288.323.452</b>
Phải thu khách hàng	131	6	650.601.555.845	407.408.872.852
Trả trước cho người bán	132		233.805.934.048	215.267.911.288
Các khoản phải thu khác	135		686.288.218	-
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.388.460.688)	(1.388.460.688)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>347.396.105.866</b>	<b>455.691.722.362</b>
Hàng tồn kho	141		347.396.105.866	455.691.722.362
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.887.820.752</b>	<b>24.309.672.722</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.055.590.591	1.367.071.842
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.844.966.309
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		580.879	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	9.831.649.282	16.097.634.571

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>527.442.135.972</b>	<b>472.343.291.725</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.265.148.006</b>	<b>7.163.209.374</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		7.265.148.006	7.163.209.374
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>502.450.214.137</b>	<b>448.057.845.564</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	358.232.821.423	375.174.904.801
<i>Nguyên giá</i>	222		743.350.010.477	732.533.380.993
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(385.117.189.054)	(357.358.476.192)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	97.958.629.106	-
<i>Nguyên giá</i>	225		99.976.917.241	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.018.288.135)	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.590.096.411	4.266.024.201
<i>Nguyên giá</i>	228		5.092.877.147	4.989.196.667
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.502.780.736)	(723.172.466)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	42.668.667.197	68.616.916.562
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>13.278.860.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		500.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000.000	13.278.860.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.226.773.829</b>	<b>3.843.376.787</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.021.808.574	3.232.748.775
Tài sản dài hạn khác	268		4.204.965.255	610.628.012
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.551.438.753.246</b>	<b>1.630.215.170.109</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>659.116.757.194</b>	<b>678.759.552.965</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>470.217.209.483</b>	<b>612.148.196.515</b>
Vay ngắn hạn	311	15	294.116.047.074	394.650.048.445
Phải trả người bán	312		97.536.168.833	77.986.113.789
Người mua trả tiền trước	313		5.794.443.000	26.601.820.791
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	66.083.134.895	82.270.314.920
Phải trả người lao động	315		2.133.605.976	1.655.167.852
Chi phí phải trả	316		993.849.740	967.611.005
Các khoản phải trả khác	319	17	3.559.959.965	28.017.119.713
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>188.899.547.711</b>	<b>66.611.356.450</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		85.146.061.700	32.565.027.750
Vay và nợ dài hạn	334	18	103.200.658.530	33.123.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	552.827.481	923.328.700
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.892.321.996.052</b>	<b>951.455.617.144</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1.892.321.996.052</b>	<b>951.455.617.144</b>
Vốn cổ phần	411	20	1.125.001.710.000	568.185.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		402.408.328.850	152.689.048.850
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	19.211.235.252	17.127.227.933
Lợi nhuận chưa phân phối	420		345.700.721.950	213.454.040.361
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.551.438.753.246</b>	<b>1.630.215.170.109</b>

Ngày 26 tháng 5 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Phương Duyên  
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc  
 Kế toán trưởng



Lê Văn Hường  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ**  
**ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015**

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>1.116.479.398.295</b>	<b>594.056.136.231</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>23</b>	<b>12.440.476</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>1.116.466.957.819</b>	<b>594.056.136.231</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>736.787.923.126</b>	<b>419.791.498.163</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>379.679.034.693</b>	<b>174.264.638.068</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.287.962.736	2.430.154.150
Chi phí tài chính	22	26	61.631.445.127	54.422.269.312
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		58.375.579.923	52.476.242.743
Chi phí bán hàng	24		6.745.391.374	4.319.830.694
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47.778.344.266	34.076.074.509
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>264.811.816.662</b>	<b>83.876.617.703</b>
Thu nhập khác	31	27	119.173.593.783	5.273.456.507
Chi phí khác	32	28	96.766.137.421	27.812.900.600
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>22.407.456.362</b>	<b>(22.539.444.093)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>287.219.273.024</b>	<b>61.337.173.610</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>68.034.170.335</b>	<b>23.025.991.964</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>(370.501.219)</b>	<b>(3.368.964.735)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>219.555.603.908</b>	<b>41.680.146.381</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ**  
**ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã	Thuyết	Từ 1/1/2014	Năm kết thúc
	số	minh	đến 31/3/2015	ngày 31/12/2013
			VND	VND
<b>Phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	62		219.555.603.908	41.680.146.381
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>			<b>(Đã điều chỉnh lại)</b>	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.803	696

Ngày 26 tháng 5 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Phương Duyên  
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc  
 Kế toán trưởng



Lê Văn Hương  
 Giám đốc



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>287.219.273.024</b>	<b>61.337.173.610</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	88.667.906.237	70.399.987.604
Các khoản dự phòng	03	-	296.905.635
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	1.368.925.323	389.112.373
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(44.313.882.263)	(3.377.980.059)
Lợi thế thương mại âm	05	-	(413.882.291)
Chi phí lãi vay	06	58.375.579.923	52.476.242.743
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>391.317.802.244</b>	<b>181.107.559.615</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(257.647.431.364)	166.314.094.380
Biến động hàng tồn kho	10	26.758.816.117	(178.771.442.709)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	30.965.224.376	60.399.573.956
Biến động chi phí trả trước	12	522.421.452	(3.386.065.792)
		<b>191.916.832.825</b>	<b>225.663.719.450</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(58.349.341.188)	(51.508.631.738)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(89.184.952.879)	(55.386.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	818.508.289	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.612.669.933)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>41.588.377.114</b>	<b>118.769.087.712</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(44.323.858.214)	(182.608.914.901)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	82.369.311.472	2.569.523.810
Tiền mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(304.728.000.000)	(22.000.000.000)
Tiền bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	16.128.000.000	22.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(500.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.030.418.751	2.313.462.015
Tiền của công ty con mua về trong kỳ	28	-	17.008.954.537
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(250.024.127.991)</b>	<b>(160.716.974.539)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	749.720.040.000	148.117.502.850
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	731.549.273.255	584.375.536.614
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(802.964.509.550)	(645.822.211.467)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.627.349.532)	-
Tiền trả cổ tức	36	(28.409.265.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>648.268.189.173</b>	<b>86.670.827.997</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>439.832.438.296</b>	<b>44.722.941.170</b>
<b>Tiền đầu kỳ/năm</b>	<b>60</b>	<b>56.582.159.848</b>	<b>11.878.861.197</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền</b>	<b>61</b>	<b>(7.224.911)</b>	<b>(19.642.519)</b>
<b>Tiền cuối kỳ/năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>496.407.373.233</b>	<b>56.582.159.848</b>

Ngày 26 tháng 5 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Phương Duyên  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc  
Kế toán trưởng



Lê Văn Hương  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015**

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con. Các hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế; và
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, một chi nhánh tại Phnom Penh (Campuchia), một công ty con và một công ty liên kết.

Tên công ty	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế.	100%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	25%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là JVC.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty và công ty con có 314 nhân viên (31/12/2013: 312 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(c) Kỳ kế toán năm**

Trong các năm trước đây, kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Ngày 19 tháng 12 năm 2013, Công ty và công ty con đã đăng ký với cơ quan thuế địa phương về việc thay đổi kỳ kế toán năm thành từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất này cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ/năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ Máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phí chuyển giao công nghệ**

Phí chuyển giao công nghệ sản xuất lò đốt rác thải y tế được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phí chuyển giao công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các máy móc thiết bị chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**(o) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hàng năm theo điều lệ của Công ty, khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(p) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(q) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ/năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ/năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(r) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ/năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trong biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty/công ty con và các bệnh viện.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ/năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con hoạt động trong ba lĩnh vực hoạt động kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh 4 và một khu vực địa lý là Việt Nam. Do đó, mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(w) Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty và các bên khác như được định nghĩa trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán máy móc, thiết bị y tế: đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế, buôn bán linh kiện thiết bị y tế và linh kiện điện tử;
- Liên kết thiết bị y tế: khai thác thiết bị y tế dưới hình thức hợp đồng liên kết khai thác với các bệnh viện; và
- Cung cấp dịch vụ: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế và kinh doanh phòng khám đa khoa.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

	<b>Bán máy móc thiết bị y tế VND</b>	<b>Liên kết thiết bị y tế VND</b>	<b>Cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015</b>					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	922.998.107.865	157.421.024.197	36.047.825.757	-	1.116.466.957.819
Doanh thu giữa các bộ phận	159.557.111.870	-	-	(159.557.111.870)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>1.082.555.219.735</b>	<b>157.421.024.197</b>	<b>36.047.825.757</b>	<b>(159.557.111.870)</b>	<b>1.116.466.957.819</b>
Chi phí phân bổ	(852.633.475.048)	(91.419.255.930)	(5.635.577.046)	158.376.649.258	(791.311.658.766)
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>229.921.744.687</b>	<b>66.001.768.267</b>	<b>30.412.248.711</b>	<b>(1.180.462.612)</b>	<b>325.155.299.053</b>
Chi phí không phân bổ					(60.343.482.391)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>264.811.816.662</b>
Thu nhập khác					119.173.593.783
Chi phí khác					(96.766.137.421)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(68.034.170.335)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					370.501.219
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>219.555.603.908</b>



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

	<b>Bán máy móc thiết bị y tế VND</b>	<b>Liên kết thiết bị y tế VND</b>	<b>Cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015</b>					
Tài sản của bộ phận	1.317.721.666.464	417.731.987.230	14.793.358.492	-	1.750.247.012.186
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	801.191.741.060
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.317.721.666.464</b>	<b>417.731.987.230</b>	<b>14.793.358.492</b>	<b>-</b>	<b>2.551.438.753.246</b>
Nợ phải trả của bộ phận	632.885.990.980	14.726.906.562	4.816.443.971	-	652.429.341.513
Nợ phải trả không phân bổ					6.687.415.681
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>632.885.990.980</b>	<b>14.726.906.562</b>	<b>4.816.443.971</b>	<b>-</b>	<b>659.116.757.194</b>
<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015</b>					
Chi tiêu vốn	9.782.503.077	34.541.355.137	-	-	44.323.858.214
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3.517.413.949	84.178.345.625	192.538.393	-	87.888.297.967
Khấu hao tài sản cố định vô hình	770.968.230	8.640.040	-	-	779.608.270

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

	<b>Bán máy móc thiết bị y tế VND</b>	<b>Liên kết thiết bị y tế VND</b>	<b>Cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	477.890.585.982	96.975.681.301	19.189.868.948	-	594.056.136.231
Doanh thu giữa các bộ phận	64.117.809.333	-	-	(64.117.809.333)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>542.008.395.315</b>	<b>96.975.681.301</b>	<b>19.189.868.948</b>	<b>(64.117.809.333)</b>	<b>594.056.136.231</b>
Chi phí phân bổ	(430.288.448.676)	(72.628.883.822)	(5.912.021.260)	50.641.950.392	(458.187.403.366)
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>111.719.946.639</b>	<b>24.346.797.479</b>	<b>13.277.847.688</b>	<b>(13.475.858.941)</b>	<b>135.868.732.865</b>
Chi phí không phân bổ					(51.992.115.162)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					83.876.617.703
Thu nhập khác					5.273.456.507
Chi phí khác					(27.812.900.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại					(19.657.027.229)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>					<b>41.680.146.381</b>

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

	<b>Bán máy móc thiết bị y tế VND</b>	<b>Liên kết thiết bị y tế VND</b>	<b>Cung cấp dịch vụ VND</b>	<b>Loại trừ VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>					
Tài sản của bộ phận	1.084.841.899.579	440.681.816.543	26.801.210.939	-	1.552.324.927.061
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	77.890.243.048
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.084.841.899.579</b>	<b>440.681.816.543</b>	<b>26.801.210.939</b>	<b>-</b>	<b>1.630.215.170.109</b>
Nợ phải trả của bộ phận	627.641.455.399	12.085.630.458	8.392.568.538	-	648.119.654.395
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	30.639.898.570
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>627.641.455.399</b>	<b>12.085.630.458</b>	<b>8.392.568.538</b>	<b>-</b>	<b>678.759.552.965</b>
<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>					
Chi tiêu vốn	1.732.296.424	180.656.700.875	219.917.602	-	182.608.914.901
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.026.211.599	41.637.656.996	27.322.658.172	-	69.986.526.767
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.277.781	-	411.183.056	-	413.460.837



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5. Tiền**

	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	465.787.032.647	15.700.331.784
Tiền gửi ngân hàng	30.620.340.586	40.881.828.064
	496.407.373.233	56.582.159.848

**6. Phải thu khách hàng - ngắn hạn**

Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn bao gồm:

	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Phải thu thương mại	615.213.207.036	407.408.872.852
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	35.388.348.809	-
	650.601.555.845	407.408.872.852

**7. Hàng tồn kho**

	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	70.775.517.229	6.364.538.524
Nguyên vật liệu	28.092.390	47.085.022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	212.028.233	212.028.233
Thành phẩm	333.771.098	321.086.347
Hàng hóa	276.046.696.916	448.746.984.236
	347.396.105.866	455.691.722.362

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, một số hàng hóa của Công ty với giá trị ghi sổ là 183.759 triệu VND (31/12/2013: 239.408 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 15).

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Tạm ứng hoạt động	9.201.450.000	14.648.927.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	630.199.282	1.448.707.571
	9.831.649.282	16.097.634.571

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	1.025.186.364	708.120.539.808	21.627.409.950	1.760.244.871	732.533.380.993
Tăng trong kỳ	-	1.807.718.750	7.556.100.000	178.095.299	9.541.914.049
Chuyển từ hàng tồn kho	-	25.707.569.318	-	-	25.707.569.318
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	101.873.779.856	-	-	101.873.779.856
Chuyển từ đầu tư dài hạn	-	6.278.860.000	-	-	6.278.860.000
Thanh lý trong kỳ	-	(132.585.493.739)	-	-	(132.585.493.739)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.025.186.364</b>	<b>711.202.973.993</b>	<b>29.183.509.950</b>	<b>1.938.340.170</b>	<b>743.350.010.477</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	340.356.699	341.565.885.554	14.279.798.908	1.172.435.031	357.358.476.192
Khấu hao trong kỳ	147.433.725	83.535.842.936	1.896.405.551	290.327.620	85.870.009.832
Thanh lý trong kỳ	-	(58.111.296.970)	-	-	(58.111.296.970)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>487.790.424</b>	<b>366.990.431.520</b>	<b>16.176.204.459</b>	<b>1.462.762.651</b>	<b>385.117.189.054</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	684.829.665	366.554.654.254	7.347.611.042	587.809.840	375.174.904.801
Số dư cuối kỳ	537.395.940	344.212.542.473	13.007.305.491	475.577.519	358.232.821.423

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 148.560 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 154.363 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Công ty và công ty con với giá trị còn lại là 239.077 triệu VND (31/12/2013: 143.896 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty và công ty con (Thuyết minh 15 và Thuyết minh 18).



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tăng trong kỳ và số dư cuối kỳ	99.976.917.241
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Khấu hao trong kỳ và số dư cuối kỳ	2.018.288.135
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	97.958.629.106

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Phí chuyển giao công nghệ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	55.000.000	4.934.196.667	4.989.196.667
Tăng trong kỳ	103.680.480	-	103.680.480
Số dư cuối kỳ	158.680.480	4.934.196.667	5.092.877.147
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	55.000.000	668.172.466	723.172.466
Khấu hao trong kỳ	8.640.040	770.968.230	779.608.270
Số dư cuối kỳ	63.640.040	1.439.140.696	1.502.780.736
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	-	4.266.024.201	4.266.024.201
Số dư cuối kỳ	95.040.440	3.495.055.971	3.590.096.411

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 55 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (31/12/2013: 55 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ**  
**ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	68.616.916.562	-
Tăng trong kỳ/năm	20.096.299.430	90.299.416.562
Chuyển từ/(sang) hàng tồn kho	55.829.231.061	(21.682.500.000)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(101.873.779.856)	-
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ/năm	42.668.667.197	68.616.916.562

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 thể hiện các máy móc thiết bị đang lắp đặt dở cho các dự án hoạt động liên kết thiết bị y tế.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 21.285 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

**13. Các khoản đầu tư tài chính**

	<b>31/3/2015 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
Đầu tư ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng (a)	285.600.000.000	-
	<hr/>	
Đầu tư vốn dài hạn tại công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (b)	500.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác		
▪ Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Phú Thọ	-	7.000.000.000
▪ Bệnh viện C Thái Nguyên	-	6.278.860.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	10.000.000.000	-
	<hr/>	
	10.500.000.000	13.278.860.000

(a) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 1% đến 2,8%/năm.

(b) Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín là một doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là bán buôn máy móc và thiết bị y tế, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, sửa chữa và cho thuê máy móc thiết bị y tế, giáo dục nghề nghiệp, quảng cáo và đại lý môi giới, đấu giá. Khoản đầu tư dài hạn của Công ty tương đương với 25% vốn sở hữu và 25% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ**  
**ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thể hiện khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến phân bổ khấu hao của các điều chỉnh trong năm 2013 về giá trị hợp lý đối với tài sản cố định của công ty con tại ngày mua.

**15. Vay ngắn hạn**

	<b>31/3/2015</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	252.501.069.839	373.530.048.445
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	41.614.977.235	21.120.000.000
	<hr/>	<hr/>
	294.116.047.074	394.650.048.445
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>31/3/2015</b>	<b>31/12/2013</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay 1	VND	173.843.444.434	288.284.572.846
Khoản vay 2	VND	-	3.732.000.000
Khoản vay 3	VND	29.338.832.931	30.242.020.136
Khoản vay 4	VND	-	34.259.000.000
Khoản vay 5	VND	595.000.000	17.012.455.463
Khoản vay 6	VND	48.723.792.474	-
		<hr/>	<hr/>
		252.501.069.839	373.530.048.445
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 8,9% đến 10,5%/năm.

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 49.484 triệu VND (31/12/2013: 75.335 triệu VND) (Thuyết minh 9) và hàng hóa có giá trị ghi sổ là 183.759 triệu VND (31/12/2013: 239.408 triệu VND) (Thuyết minh 7).

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ**  
**ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/3/2015</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	5.112.552.855	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.890.139.585	82.096.576.562
Thuế thu nhập cá nhân	80.442.455	72.130.216
Các loại thuế khác	-	101.608.142
	<hr/>	<hr/>
	66.083.134.895	82.270.314.920
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**17. Các khoản phải trả khác**

	<b>31/3/2015</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	876.795.978	345.809.400
Lãi phạt chậm nộp thuế	-	26.981.066.813
Bảo hiểm thất nghiệp	57.365.420	24.243.500
Thù lao cho Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	2.576.666.667	666.000.000
Phải trả khác	49.131.900	-
	<hr/>	<hr/>
	3.559.959.965	28.017.119.713
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**18. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/3/2015</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (a)	73.046.246.960	54.243.000.000
Nợ thuê tài chính (b)	71.769.388.805	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15)	(41.614.977.235)	(21.120.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	103.200.658.530	33.123.000.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ**  
**ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(a) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/3/2015 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay 1	VND	Thả nổi	2017	62.659.246.960	54.243.000.000
Khoản vay 2	VND	Thả nổi	2019	4.500.000.000	-
Khoản vay 3	VND	Thả nổi	2019	3.024.000.000	-
Khoản vay 4	VND	Thả nổi	2020	2.863.000.000	-
				73.046.246.960	54.243.000.000

Lãi suất của các khoản vay dài hạn trên được tính bằng lãi suất cơ sở của các ngân hàng cho vay cộng (+) 4%/năm. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng và lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 189.593 triệu VND (31/12/2013: 68.560 triệu VND) (Thuyết minh 9) và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 21.285 triệu VND (31/12/2013: Không) (Thuyết minh 12).

(b) Khoản nợ thuê tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease được thanh toán trong vòng 60 tháng và chịu lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất cơ sở của các công ty cho thuê tài chính này cộng (+) biên độ 2,4% - 5%/năm. Nợ gốc và nợ lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không hủy ngang như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	31/3/2015 VND	
		Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	19.051.238.399	6.032.061.169	13.019.177.230
Trong vòng hai đến năm năm	71.272.635.127	12.522.423.552	58.750.211.575
		90.323.873.526	71.769.388.805

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	354.199.990.000	71.594.546.000	8.623.423.070	263.026.331.657	697.444.290.727
Vốn cổ phần phát hành theo quyền mua (Thuyết minh 20)	99.176.000.000	48.941.502.850	-	-	148.117.502.850
Phát hành cổ phần để mua công ty con (Thuyết minh 20 và 32)	40.700.000.000	32.153.000.000	-	-	72.853.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	41.680.146.381	41.680.146.381
Phân bổ vào các quỹ	-	-	8.503.804.863	(8.503.804.863)	-
Cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 21)	74.109.310.000	-	-	(74.109.310.000)	-
Các biến động khác	-	-	-	(8.639.322.814)	(8.639.322.814)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	568.185.300.000	152.689.048.850	17.127.227.933	213.454.040.361	951.455.617.144
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 20)	500.000.760.000	249.719.280.000	-	-	749.720.040.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	219.555.603.908	219.555.603.908
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.084.007.319	(2.084.007.319)	-
Cổ tức bằng tiền và bằng cổ phiếu (Thuyết minh 21)	56.815.650.000	-	-	(85.224.915.000)	(28.409.265.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2015</b>	1.125.001.710.000	402.408.328.850	19.211.235.252	345.700.721.950	1.892.321.996.052



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2015		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	112.500.171	1.125.001.710.000	56.818.530	568.185.300.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	1.125.001.710.000	56.818.530	568.185.300.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015		Năm kết thúc ngày 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	56.818.530	568.185.300.000	35.419.999	354.199.990.000
Phát hành cho cổ đông mới (*)	28.057.538	280.575.380.000	-	-
Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo quyền mua (*)	21.942.538	219.425.380.000	9.917.600	99.176.000.000
Phát hành cổ phần để mua công ty con	-	-	4.070.000	40.700.000.000
Phát hành để trả cổ tức (Thuyết minh 21)	5.681.565	56.815.650.000	7.410.931	74.109.310.000
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>112.500.171</b>	<b>1.125.001.710.000</b>	<b>56.818.530</b>	<b>568.185.300.000</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 19 tháng 9 năm 2014, Đại hội cổ đông đã thông qua kế hoạch chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới với số lượng chào bán là 50.000.076 cổ phần, trong đó cổ đông hiện hữu được mua theo tỷ lệ thực hiện cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận quyền mua 8 cổ phiếu mới. Việc phát hành đã hoàn tất vào ngày 9 tháng 1 năm 2015 và đã làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 500.000.760.000 VND (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) và thặng dư vốn cổ phần tăng thêm 249.719.280.000 VND.

**21. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 6 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức với tổng số tiền là 85.224.915.000 VND, tương ứng 15% mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành, trong đó 5% mệnh giá được trả bằng tiền trị giá 28.409.265.000 VND và 10% mệnh giá được trả bằng cổ phiếu tương đương 56.815.650.000 VND (5.681.565 cổ phiếu) (31/12/2013: 15% vốn cổ phần, tương đương 74.109.310.000 VND, bằng 7.410.931 cổ phiếu). Số lượng cổ phiếu phát hành cho mỗi cổ đông được làm tròn xuống hàng đơn vị. Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống hàng đơn vị Công ty đã tiến hành hủy.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**Quỹ đầu tư phát triển**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2014, Công ty đã trích lập 2.084.007.319 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế dùng để phân phối vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

**23. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	923.010.548.341	477.890.585.982
▪ Liên kết thiết bị y tế	157.421.024.197	96.975.681.301
▪ Cung cấp dịch vụ	36.047.825.757	19.189.868.948
	1.116.479.398.295	594.056.136.231
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(12.440.476)	-
Doanh thu thuần	1.116.466.957.819	594.056.136.231

**24. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Hàng hóa đã bán	649.150.560.504	348.114.202.486
Liên kết thiết bị y tế	83.731.449.097	66.959.686.996
Dịch vụ đã cung cấp	3.905.913.525	4.717.608.681
	736.787.923.126	419.791.498.163



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Lãi tiền gửi	1.030.418.751	520.464.852
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	257.543.985	120.896.894
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.788.792.404
	<b>1.287.962.736</b>	<b>2.430.154.150</b>

**26. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Chi phí lãi vay	58.375.579.923	52.476.242.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.886.939.881	1.556.914.196
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.368.925.323	389.112.373
	<b>61.631.445.127</b>	<b>54.422.269.312</b>

**27. Thu nhập khác**

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	117.757.660.281	2.569.523.810
Thu nhập khác	1.415.933.502	2.703.932.697
	<b>119.173.593.783</b>	<b>5.273.456.507</b>

**28. Chi phí khác**

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	74.474.196.769	26.221.639.151
Phạt chậm nộp thuế	19.917.824.113	1.591.261.449
Chi phí khác	2.374.116.539	-
	<b>96.766.137.421</b>	<b>27.812.900.600</b>

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**29. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	68.034.170.335	23.025.991.964
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(370.501.219)	(3.368.964.735)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	67.663.669.116	19.657.027.229

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	287.219.273.024	61.337.173.610
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	63.188.240.065	15.334.293.403
Thu nhập không bị tính thuế	-	(2.159.830.704)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	4.580.605.823	6.236.547.255
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất đối với thuế thu nhập hoãn lại	(105.176.772)	-
Ảnh hưởng do loại trừ hợp nhất	-	246.017.275
	<hr/>	<hr/>
	67.663.669.116	19.657.027.229

**(c) Thuế suất áp dụng**

Cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 25%).

Theo quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Việc tính toán thuế thu nhập của Công ty và công ty con có thể thay đổi phụ thuộc vào điều chỉnh của cơ quan thuế địa phương.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 219.555.603.908 VND (Năm kết thúc ngày 31/12/2013: 41.680.146.381 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 78.333.464 cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31/12/2013 đã được điều chỉnh lại: 59.871.784), được tính như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông	219.555.603.908	41.680.146.381

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 (đã điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ/năm	56.818.530	35.419.999
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành mới	-	2.713.333
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông hiện hữu theo quyền mua	15.833.369	8.645.956
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức	5.681.565	13.092.496
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ/năm	78.333.464	59.871.784

**(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 (đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	219.555.603.908	41.680.146.381
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	78.333.464	59.871.784
	2.803	696

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(d) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Trong năm 2013 và 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 21). Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được điều chỉnh hồi tố lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	52.628.263	792
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2013	2.302.761	(33)
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2014	4.940.760	(63)
Đã điều chỉnh lại	59.871.784	696

**31. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty và công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty và công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty và công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc Công ty và công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty và công ty con. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty và công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty và công ty con. Công ty và công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty và công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		31/3/2015	31/12/2013
		VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	30.620.340.586	40.881.828.064
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	285.600.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn	(i)	10.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	657.164.531.381	413.183.621.538
		983.384.871.967	454.065.449.602

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn của Công ty và công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và công ty con.

**(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty và công ty con liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty và công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 30 ngày đến 720 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty và công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và công ty con. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	<b>31/3/2015</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>
Trong hạn	655.759.204.618	411.734.520.275
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	86.629.393
Quá hạn trên 180 ngày	1.405.326.763	1.362.471.870
	657.164.531.381	413.183.621.538

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>Từ 1/1/2014</b> <b>đến 31/3/2015</b> <b>VND</b>	<b>Năm kết thúc</b> <b>ngày 31/12/2013</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	1.388.460.688	1.091.555.053
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	296.905.635
Số dư cuối kỳ/năm	1.388.460.688	1.388.460.688

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty và công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty và công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty và công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty và công ty con.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền</b> <b>theo hợp đồng</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Trong vòng</b> <b>1 năm</b> <b>Triệu VND</b>	<b>Từ 1 đến</b> <b>5 năm</b> <b>Triệu VND</b>
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2015</b>				
Vay ngắn hạn	294.116	312.578	312.578	-
Vay và nợ dài hạn	103.201	119.293	-	119.293
Phải trả người bán và phải trả khác	187.236	187.236	102.090	85.146
	584.553	619.107	414.668	204.439



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	Từ 1 đến 5 năm Triệu VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>				
Vay ngắn hạn	394.650	415.073	415.073	-
Vay dài hạn	33.123	37.496	-	37.496
Phải trả người bán và phải trả khác	138.198	138.198	105.633	32.565
	565.971	590.767	520.706	70.061

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty và công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty và công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty và công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty và công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty và công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/3/2015 USD	31/12/2013 USD
Tiền	1.382	24.970
Phải trả người bán	(7.106.365)	(1.120.612)
	(7.104.983)	(1.095.642)

Sau đây là tỷ giá được Công ty và công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/3/2015	31/12/2013
VND/USD	21.595	21.081

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần hợp nhất VND</b>
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2015</b> USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(1.196.770.442)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b> USD (mạnh thêm 3% so với VND)	(519.687.653)

Biến động ngược lại của tỷ giá VND/USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty tại ngày báo cáo.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty và công ty con chịu lãi suất thả nổi. Công ty và công ty con không thực hiện chính sách nào để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty và công ty con như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/3/2015 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định</b>		
▪ Tài sản tài chính	295.600.000.000	-
▪ Nợ phải trả tài chính	(252.501.069.839)	-
	<u>43.098.930.161</u>	<u>-</u>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
▪ Tài sản tài chính	30.620.340.586	40.881.828.064
▪ Nợ phải trả tài chính	(144.815.635.765)	(427.773.048.445)
	<u>(114.195.295.179)</u>	<u>(386.891.220.381)</u>

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi thả nổi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 891 triệu VND lợi nhuận thuần hợp nhất của Công ty (Năm kết thúc ngày 31/12/2013: 2.901 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.



**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/3/2015		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền	496.407	496.407	56.582	56.582
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	657.165	(*)	413.184	(*)
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư ngắn hạn và dài hạn - tiền gửi có kỳ hạn	295.600	(*)	-	-
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(294.116)	(*)	(394.650)	(*)
- Vay và nợ dài hạn	(103.201)	(*)	(33.123)	(*)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(187.236)	(*)	(139.166)	(*)
	864.619	(*)	(97.173)	(*)

(\*) Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính**

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Phát hành cổ phiếu để mua công ty con	-	72.853.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 21)	56.815.650.000	74.109.310.000
Nguyên giá của tài sản cố định do Công ty nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	85.394.952.986	-

**Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 15 tháng**  
**từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
<b>Công ty liên kết</b> <i>Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín</i> Góp vốn bằng tiền	500.000.000	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	1.236.000.000	1.260.000.000
<b>Thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị</b> Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	758.666.667	582.000.000

**34. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	649.350.365.720	400.119.755.406
Chi phí nhân công	34.868.777.370	23.107.155.988
Chi phí khấu hao	88.667.906.237	70.399.987.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.245.906.987	7.229.881.171
Chi phí khác	13.178.702.452	9.432.249.508

Ngày 26 tháng 5 năm 2015

Người lập:



Nguyễn Thị Phương Duyên  
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc  
 Kế toán trưởng



Lê Văn Hương  
 Giám đốc